

RANBEFORTE

Rabeprazole sodium 20 mg

THÀNH PHẦN: Mỗi lọ bột đông khô chứa:

Rabeprazol natri...20 mg.

Tá dược: manitol vừa đủ 1 lọ.

DƯỢC LỰC HỌC:

Rabeprazol là dẫn chất benzimidazol có tác dụng chống tiết acid dạ dày. Do tác dụng ức chế đặc hiệu enzyme $H^+ / K^+ - ATPase$ có trên bề mặt tế bào thành dạ dày, Rabeprazol ức chế sự vận chuyển cuối cùng các ion hydrogen vào trong dạ dày.

CHỈ ĐỊNH:

Điều trị tiếp theo Rabeprazol dùng đường uống, ở bệnh nhân tạm thời không thể dùng thuốc uống do bất kỳ lý do gì, ví dụ như phẫu thuật.

Loét tá tràng tiến triển có chảy máu hoặc trợt nghiêm trọng.

Loét dạ dày tiến triển có chảy máu hoặc trợt nghiêm trọng.

Bệnh trào ngược dạ dày - thực quản có loét hoặc trợt nghiêm trọng (GORD/GERD), hoặc bệnh trào ngược không trợt (NERD) nhưng bệnh nhân không thể dùng thuốc uống.

Phòng ngừa hút acid trong khi phẫu thuật. Tổn thương niêm mạc do stress trong chăm sóc đặc biệt như: tổn thương đầu, bỏng,...

Các trường hợp tăng tiết bệnh lý, bao gồm hội chứng Zollinger - Ellison.

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG:

Thuốc này chỉ được dùng theo sự kê đơn của thầy thuốc.

Người lớn: Liều đề nghị 20mg Rabeprazol natri ngày một lần. Không cần chỉnh liều ở bệnh nhân suy thận, suy gan hoặc người cao tuổi. Liều trên 40mg/ngày chưa được nghiên cứu ở bệnh nhân suy gan. Không cần chỉnh liều ở bệnh nhân đang thẩm phân máu.

Trẻ em: Không đề nghị dùng thuốc này.

Đường dùng: tiêm tĩnh mạch chậm trên 15 phút hoặc truyền tĩnh mạch. Không được tiêm bắp.

Cách dùng: Hòa tan hoàn toàn bột thuốc đông khô với 5ml nước pha tiêm hoặc dung dịch natri clorid. Dung dịch thuốc sau khi pha xong không màu. Không sử dụng nếu có thay đổi màu sắc hay đục hoặc kết tủa.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Quá mẫn với rabeprazol, dẫn xuất benzimidazol hoặc bất cứ thành phần nào của thuốc.

Có thai và cho con bú.

THẬN TRỌNG:

Nên loại trừ khả năng bệnh ác tính trước khi điều trị với rabeprazol vì thuốc có thể làm giảm triệu chứng bệnh.

Thận trọng với bệnh nhân rối loạn chức năng gan nặng.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN:

Tác dụng phụ thường gặp nhất là nhức đầu, tiêu chảy và buồn nôn. Các tác dụng phụ khác là viêm mũi, đau bụng, suy nhược, đầy hơi, viêm họng, nôn, đau không xác định, đau lưng, chóng mặt, hội chứng cúm, nhiễm khuẩn, ho, táo bón và mất ngủ.

Các tác dụng phụ ít gặp hơn là ngoại ban, đau cơ, đau ngực, khô miệng, khó tiêu, căng thẳng, buồn ngủ, viêm phế quản, viêm xoang, ớn lạnh, phát ban, chuột rút chân, nhiễm vi khuẩn đường tiểu, đau khớp và sốt. Vài trường hợp cá biệt có chán ăn, viêm dạ dày, tăng cân, chán nản, ngứa, rối loạn thị giác hoặc vị giác, đổ mồ hôi, tăng bạch cầu. Tăng men gan đã được quan sát thấy ở 2%. Giảm tiểu cầu, giảm bạch cầu trung tính, giảm bạch cầu, ban mụn nước và các phản ứng trên da khác bao gồm ban đỏ đã được ghi nhận. Ngưng thuốc ngay nếu có thương tổn trên da.

Thông báo cho bác sĩ các tác dụng không mong muốn.

TƯƠNG TÁC THUỐC:

Chưa thấy có tương tác với các thuốc chuyển hóa bởi hệ thống CYP450 như warfarin, phenytoin, theophyllin hoặc diazepam.

Tương tác với các thuốc có độ hấp thu phụ thuộc pH. Dùng rabeprazol làm giảm nồng độ ketoconazol 33% và tăng nồng độ tối thiểu của digoxin 22%.

TRÌNH BÀY: Hộp 1 lọ đông khô.

BẢO QUẢN: dưới 25°C. Tránh ánh sáng.

HẠN DÙNG: 24 tháng.

Đề thuốc tránh xa tầm tay trẻ em.

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

SẢN XUẤT BỞI

CTCP DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG I - PHARBACO

ĐC: 160 Tôn Đức Thắng - Đống Đa - Hà Nội